QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TỈNH LÀO CAI

HOÀNG KHÁNH CHI
LÊ NGỌC QUỲNH
Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai

Nhận bài ngày 10/9/2026. Sửa chữa xong 15/10/2026. Duyệt đăng 25/10/2026.

Abstract

Drawing on good governance theory, this article assesses the state management of tourist accommodation establishments in Lao Cai Province in the context of digital transformation and sustainable development. Based on the concepts established in Vietnam's 2025 Law on Digital Transformation, the study develops a four-level institutionalization scale and identifies three forms of interaction between digital transformation and sustainable development. The findings indicate that mandatory obligations have reached only the level of process digitalization, while data-driven management appears primarily in policy guidance documents. Moreover, tourism data and accommodation notification data remain disconnected. Digital transformation supports the economic pillar of sustainable development but may conflict with its social pillar because of the digital divide and remains largely disconnected from the environmental pillar. The article recommends incorporating sustainability indicators into reporting obligations, developing an interoperable cross-sectoral database, and strengthening state oversight of online accommodation-booking platforms.

Keywords: *Digital transformation, Lao Cai Province, state management, sustainable development, tourist accommodation establishments.*

1. Đặt vấn đề

Lào Cai là địa bàn du lịch trọng điểm của vùng núi phía Bắc. Những năm gần đây, cơ sở lưu trú du lịch (CSLTDL) tăng nhanh cả về số lượng và loại hình, nổi bật là homestay gắn với du lịch cộng đồng. Tỉnh Lào Cai hiện có 2.138 cơ sở lưu trú với khoảng 20.600 buồng, trong đó có 740 homestay (Trần Ngọc Sơn, 2026). Thực tiễn này đặt quản lý nhà nước (QLNN) trước thách thức kép: vừa phải quản lý một hệ thống cơ sở lưu trú có số lượng đáng kể, phân tán và chủ yếu quy mô nhỏ, vừa phải bảo đảm phát triển bền vững trong điều kiện hệ sinh thái và văn hóa bản địa dễ bị tổn thương. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị đặt mục tiêu bảo đảm khoảng 1,5 triệu buồng lưu trú du lịch, đồng thời yêu cầu hình thành cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia và quản trị theo dữ liệu (Ban Chấp hành Trung ương, 2026). Cùng thời điểm, việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025 làm phạm vi quản lý trực tiếp của cấp tỉnh và cấp xã mở rộng, khiến công nghệ số trở thành điều kiện tất yếu. Các nghiên cứu trong nước đã bàn về hiệu quả thực hiện pháp luật về kinh doanh CSLTDL (Nguyễn Lê Phương Anh 2025), QLNN đối với CSLTDL theo lý thuyết quản trị tốt (Hoàng, 2026) và ở cấp huyện (Nguyễn Thị Thắm và cộng sự, 2024); nghiên cứu quốc tế cho thấy thành công của điểm đến thông minh phụ thuộc vào năng lực quản trị hơn là công nghệ (Ivars-Baidal và cộng sự, 2019) và quản trị đa chủ thể là điều kiện của du lịch bền vững (Bramwell & Lane, 2011). Tuy nhiên, còn thiếu một khung phân tích kết nối QLNN đối với CSLTDL với đồng thời hai yêu cầu chuyển đổi số (CĐS) và phát triển bền vững cũng như nghiên cứu trường hợp ở một tỉnh miền núi phía Bắc trước và sau khi vận hành chính quyền hai cấp. Bài viết trả lời ba câu hỏi: (CH1) Pháp luật và chính sách về CSLTDL đã thể chế hóa yêu cầu CĐS đến mức nào?

Email: chihk@tnu.edu.vn

(CH2) CĐS trong quản lý CSLTDL tại Lào Cai tác động thế nào đến các trụ cột phát triển bền vững? (CH3) Cần có những điều chỉnh gì về thể chế và tổ chức thực thi để QLNN đối với CSLTDL đáp ứng đồng thời hai yêu cầu trên?

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Theo khoản 12 Điều 3 Luật Du lịch năm 2017 (Quốc hội, 2017), CSLTDL là nơi cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch, gồm khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê và các loại khác. QLNN đối với CSLTDL mang tính liên ngành do hoạt động của các cơ sở có liên quan đến an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, môi trường, thuế. Vì vậy, hiệu quả quản lý phụ thuộc vào phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan. Trong môi trường số, CĐS không dừng ở số hóa thủ tục cấp phép mà đòi hỏi tái thiết kế quan hệ giữa nhà nước, doanh nghiệp, nền tảng và du khách (Kalbaska và cộng sự, 2017). Bài viết lấy quản trị tốt làm thước đo chung, chọn bốn chiều cạnh gắn trực tiếp với CĐS (Hoàng, 2026; United Nations Development Programme (UNDP), 1997): minh bạch (công khai dữ liệu); trách nhiệm giải trình (xác định trách nhiệm dựa trên dữ liệu); tính tham gia (phản hồi của du khách, cộng đồng); hiệu lực, hiệu quả (giảm chi phí tuân thủ). Cách tiếp cận coi CĐS là sự thay đổi toàn diện quy trình và mô hình quản trị đã được Luật Chuyển đổi số năm 2025 (Quốc hội, 2025) quy định: CĐS là "Quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả và minh bạch" (khoản 1 Điều 3), được phân biệt với số hóa (khoản 8) và số hóa quy trình (khoản 9); hoạt động điều hành, ra quyết định phải dựa trên dữ liệu số đầy đủ, chính xác, kịp thời (khoản 2 Điều 31). Trên cơ sở sự phân biệt luật định này, bài viết xây dựng thang bốn mức đánh giá mức độ thể chế hóa yêu cầu CĐS (xem bảng).

Bảng thang đánh giá mức độ thể chế hóa yêu cầu CĐS trong pháp luật về CSLTDL

Mức	Dấu hiệu nhận biết trong văn bản	Căn cứ (Luật Chuyển đổi số)
0 - Chưa đề cập	Không quy định việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu số đối với cơ sở lưu trú	
1 - Số hóa	Chuyển hồ sơ, thông tin về cơ sở lưu trú sang dạng dữ liệu số	Khoản 8 Điều 3
2 - Số hóa quy trình	Thủ tục, nghĩa vụ (đăng ký, thông báo lưu trú, báo cáo) thực hiện và xử lý trên môi trường số	Khoản 9 Điều 3
3 - CĐS	Chia sẻ dữ liệu liên ngành; dữ liệu số là căn cứ của quyết định quản lý (cấp phép, kiểm tra, quản lý sức chứa)	Khoản 1, 10, 11 Điều 3; khoản 2 Điều 31

Nguồn: Tác giả xây dựng trên cơ sở Điều 3, Điều 31 Luật Chuyển đổi số năm 2025.

Về phát triển bền vững, Luật Du lịch năm 2017 xác định phát triển du lịch bền vững là sự phát triển "Đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch" (khoản 14 Điều 3). CĐS là phương thức, còn phát triển bền vững là mục tiêu quản lý; mối liên hệ giữa hai yếu tố chỉ hình thành khi dữ liệu số về cơ sở lưu trú (số buồng, lượt khách, vị trí) được dùng làm căn cứ cho các quyết định như quản lý sức chứa, kiểm soát xây dựng hay kiểm tra dựa trên rủi ro. Bài viết phân biệt ba dạng tương tác: thúc đẩy, khi CĐS đồng thời phục vụ mục tiêu bền vững; mâu thuẫn, khi lợi ích từ CĐS gây tổn hại cho các mục tiêu phát triển bền vững; tách rời, khi công cụ số không được sử dụng cho mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng thiết kế nghiên cứu trường hợp đơn. Dữ liệu thứ cấp gồm văn bản pháp luật, chính sách; báo cáo, số liệu của cơ quan nhà nước và các công trình đã công bố về địa bàn, trong phạm vi địa giới tỉnh Lào Cai sau ngày 01/7/2025, giai đoạn 2018-2026 (số liệu trước sáp nhập được cộng gộp theo địa giới mới). Phương pháp phân tích quy phạm pháp luật được dùng để mã hóa văn bản theo bảng 1; thống kê mô tả được dùng để xử lý số liệu về cơ sở lưu trú; phương pháp so sánh được áp dụng để làm rõ quy định trung ương và địa phương, giữa giai đoạn trước và sau ngày 01/7/2025, giữa Lào Cai và cả nước.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát hệ thống cơ sở lưu trú du lịch tại Lào Cai

Giai đoạn 2018-2024, số cơ sở lưu trú tăng nhanh ở cả hai tỉnh cũ: Lào Cai (cũ) từ 1.198 cơ sở (Tùng Lâm, 2018) lên 1.570 cơ sở với khoảng 16.000 phòng, trong đó có 468 homestay (Hà Phương, 2025); Yên Bái (cũ) từ 150 cơ sở (Hoàng Quý, 2018) lên 562 cơ sở, trong đó có 268 hộ kinh doanh homestay (Thu Hiền, 2025). Sau sáp nhập, tỉnh Lào Cai có 2.138 cơ sở lưu trú với khoảng 20.600 buồng; khách sạn được xếp hạng chỉ chiếm khoảng 11%, gồm 6 khách sạn 5 sao, 9 khách sạn 4 sao, 18 khách sạn 3 sao, 67 khách sạn 2 sao và 135 khách sạn 1 sao; phần còn lại là 1.163 cơ sở chưa xếp hạng (chiếm 54,4%) và 740 homestay (chiếm 34,6%) (Trần Ngọc Sơn, 2026).

So với cả nước, với khoảng 40.000 cơ sở và 800.000 buồng (Trung tâm Thông tin du lịch, 2025), Lào Cai chiếm khoảng 5,3% số cơ sở nhưng chỉ 2,6% số buồng; bình quân mỗi cơ sở có 9,6 buồng, chưa bằng một nửa mức khoảng 20 buồng của cả nước. Hệ thống lưu trú của tỉnh vì vậy nhỏ lẻ, phân tán và có tính mùa vụ: chẳng hạn, Bắc Hà có khoảng 100 cơ sở, phục vụ khoảng 3.000 khách mỗi ngày đêm nhưng vẫn thiếu chỗ vào mùa cao điểm (Vũ & Hoàng, 2024). Phần lớn homestay gắn với du lịch cộng đồng do hộ đồng bào dân tộc thiểu số vận hành và cơ sở lưu trú ngày càng hiện diện trên các nền tảng đặt phòng trực tuyến như Booking.com, Agoda, Traveloka.

3.2. Chính sách, pháp luật về chuyển đổi số và phát triển bền vững đối với cơ sở lưu trú du lịch

Về chủ trương, Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2024 xác định dữ liệu là tư liệu sản xuất chính (Ban Chấp hành Trung ương, 2024); Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới đưa ra quan điểm và giải pháp về nâng cao năng lực quản trị du lịch theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số, quản trị theo dữ liệu gắn với quy hoạch không gian phát triển, bền vững thông qua cơ chế điều phối và liên kết đa ngành, (Ban Chấp hành Trung ương, 2026).

Về văn bản pháp luật, Chương trình CĐS quốc gia (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020) không xếp du lịch vào lĩnh vực ưu tiên; Luật Chuyển đổi số năm 2025 tạo khung pháp lý cho chia sẻ dữ liệu và điều hành dựa trên dữ liệu nhưng không có quy định riêng về CSLTDL. Ở tầng chuyên ngành, Luật Du lịch năm 2017 chưa dùng thuật ngữ CĐS nhưng giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý du lịch và hướng dẫn giao dịch điện tử trong ngành (điểm đ khoản 2 Điều 73); Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch (Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018) đặt mục tiêu số hóa dữ liệu về cơ sở lưu trú và liên thông báo cáo, thống kê; Quyết định số 2710/QĐ-BVHTTDL ngày 17/9/2024 đặt mục tiêu đưa tối thiểu 80% cơ sở lưu trú vào cơ sở dữ liệu ngành đến năm 2025 và 100% đến năm 2030.

Cơ sở lưu trú du lịch có nghĩa vụ thực hiện báo cáo thông tin cho cơ quan quản lý chuyên ngành gồm báo cáo thống kê định kỳ qua hệ thống phần mềm của cơ quan du lịch theo Thông tư số 18/2021/TT-BVHTTDL; thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú (Điều 30, Luật Cư trú năm 2020), thực hiện qua ứng dụng VNeID hoặc trang thông tin của Bộ Công an (Luật số 118/2025/QH15). Cả hai nghĩa vụ cùng tạo ra dữ liệu về khách lưu trú nhưng do hai hệ thống riêng tiếp nhận. Trong khi đó, Luật Du lịch năm 2017 coi phát triển bền vững là nguyên tắc cốt lõi, yêu cầu đáp ứng đồng thời các mục tiêu kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn tài nguyên, bản sắc văn hóa dân tộc, nhưng chưa gắn nguyên tắc này với nghĩa vụ cung cấp dữ liệu nào của CSLTDL về rác thải, nước thải, sử dụng nước hay sử dụng lao động.

Ở cấp tỉnh, văn bản được ban hành theo ba giai đoạn. Giai đoạn 2018-2020, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của tỉnh Lào Cai (cũ) yêu cầu khai báo khách lưu trú nhưng chưa quy định phương thức điện tử (Mức 0), trong khi Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 22/02/2019 của tỉnh Yên Bái (cũ) đã yêu cầu xây dựng phần mềm quản lý homestay, đặt phòng trực tuyến (Mức 1-2). Giai đoạn 2021 đến tháng 6/2025, Lào Cai (cũ) ban hành Chương trình CĐS tỉnh (Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/5/2021) và Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 13/4/2023 về phát triển du lịch thông minh, đặt mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu CSLTDL; Yên Bái (cũ) ban hành danh mục 21 cơ sở dữ liệu dùng chung (Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 07/12/2022) nhưng chưa có cơ sở dữ liệu du lịch, và Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2025 về tiện ích thông minh hỗ trợ quản lý du lịch (Mức 2). Sau sáp nhập, văn bản của tỉnh Lào Cai chuyển sang định hướng quản trị dựa trên dữ liệu (Mức 3): Chỉ thị số

12/CT-UBND ngày 11/8/2026 yêu cầu chuyển quản lý thu ngân sách từ "theo hồ sơ" sang "theo dữ liệu và thực tế kinh doanh", đối soát dữ liệu kinh doanh du lịch với kê khai thuế; Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 14/9/2026 yêu cầu kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành, với chỉ tiêu ít nhất 50% cơ sở kinh doanh du lịch sử dụng nền tảng số vào năm 2027 và 70% vào năm 2030; Kế hoạch số 461/KH-UBND ngày 30/9/2026 và Kế hoạch số 200/KH-SVHTTDL ngày 05/10/2026 định hướng cơ sở dữ liệu dùng chung, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm thành phần hồ sơ, hướng tới cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, "phi địa giới hành chính" phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Đối chiếu với bảng 1, khung pháp luật về CSLTDL đạt Mức 2 ở tầng quy phạm bắt buộc và Mức 3 ở tầng định hướng. hai nghĩa vụ số trực tiếp của cơ sở thuộc Mức 2, còn Mức 3 chỉ có trong văn bản định hướng, văn bản chung hoặc văn bản phục vụ thu ngân sách. Xét theo tiêu chí quản trị tốt, tính minh bạch mới đạt một phần vì danh sách CSLTDL công khai chưa đầy đủ và chưa được cập nhật thường xuyên; trách nhiệm giải trình còn hạn chế vì dữ liệu khách lưu trú do hai hệ thống không liên thông tiếp nhận, chưa có cơ chế lưu vết và xác định trách nhiệm liên ngành.

3.3. Thực tiễn quản lý cơ sở lưu trú du lịch tại tỉnh Lào Cai

3.3.1. Kết quả đạt được

Về thủ tục: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công khai, hướng dẫn thủ tục, mẫu hồ sơ và thời hạn giải quyết đối với kinh doanh dịch vụ lưu trú; Về dữ liệu: Lào Cai (cũ) đã số hóa dữ liệu của 350 cơ sở lưu trú và kết nối với cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia theo Kế hoạch số 202/KH-UBND, tương đương khoảng 22% số cơ sở năm 2024; Yên Bái (cũ) đến tháng 6/2025 đã cập nhật dữ liệu của 201 cơ sở lưu trú và nhà hàng trên cổng thông tin du lịch, tức tối đa khoảng 36% số cơ sở lưu trú (Mạnh Cường, 2025). Lào Cai (cũ) đã vận hành cổng thông tin, ứng dụng di động và hệ thống quản lý lưu trú trực tuyến. Tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử cao (91,88% công dân, 95,02% doanh nghiệp, hợp tác xã) (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, 2025) tạo điều kiện cho việc thông báo lưu trú qua VneID; Hồ sơ, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được số hóa (Mức 1): Việc kiểm tra được lồng ghép vào các đợt cao điểm và tỉnh tổ chức rà soát toàn diện cơ sở lưu trú, homestay năm 2026; Về phát triển bền vững: Tỉnh đã ban hành tiêu chí kiến trúc bản làng truyền thống; nhiều homestay đạt chuẩn ASEAN gắn với giữ gìn nhà sàn, nghề dệt (Hương Thu, 2023); cơ chế chia sẻ lợi ích trong du lịch cộng đồng bảo đảm phần lớn lợi nhuận được giữ lại cho hộ tham gia và quỹ cộng đồng (Hứa, 2025).

3.3.2. Hạn chế

Tỷ lệ số hóa dữ liệu CSLTDL mới đạt khoảng 1/5 đến 1/3, trong khi số cơ sở chưa xếp hạng và homestay chiếm tới 89% tổng số cơ sở: Lào Cai (cũ) mới số hóa khoảng 22%, Yên Bái (cũ) tối đa khoảng 36% số cơ sở (Mạnh Cường, 2025), xa mục tiêu 80% vào năm 2025 theo Quyết định số 2710/QĐ-BVHTTDL. Hồ sơ công nhận hạng CSLTDL vẫn nộp trực tiếp, dù 97,4% hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh đã nộp trực tuyến (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, 2026b); còn cơ sở không thông báo trước khi hoạt động, không báo cáo thống kê hoặc tự quảng cáo hạng sao theo Công văn số 267/VHTTDL-QLPTDL ngày 30/7/2025 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai; Chưa có cơ chế dữ liệu dùng chung bắt buộc giữa các lực lượng kiểm tra: Công an, du lịch, thuế mỗi bên giữ một tập dữ liệu riêng, các lực lượng vẫn kiểm tra theo kế hoạch riêng nên dễ chồng chéo hoặc bỏ sót. Hạn chế càng rõ khi từ ngày 01/7/2025, theo Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, không còn thanh tra sở và thanh tra chuyên ngành nên thanh tra du lịch chủ yếu mang tính vụ việc hoặc theo đợt cao điểm trong khi dữ liệu dùng chung - công cụ để kiểm tra dựa trên rủi ro - chưa được thiết lập; Hạ tầng số chưa đồng đều: Sau 01/7/2025, tỉnh có 69 thôn lõm sóng hoặc trắng sóng và 50 thôn chưa có băng rộng cố định; đến tháng 10/2026 vẫn còn 6 thôn lõm, trắng sóng di động và 14 thôn chưa có Internet băng rộng cố định (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, 2026a). Khi các nghĩa vụ thông báo, báo cáo chuyển sang môi trường số, cơ sở ở vùng sóng yếu có thể vi phạm không phải do cố ý mà do điều kiện hạ tầng; Năng lực số của chủ cơ sở còn hạn chế: Với quy mô bình quân 9,6 buồng/cơ sở, chi phí thiết bị, phần mềm và đào tạo là gánh nặng đáng kể, trong khi nhiều chủ homestay là đồng bào dân tộc thiểu số có thể gặp rào cản về kỹ năng sử dụng ứng dụng và phần mềm quản lý. Nếu chỉ tiêu 50% cơ sở sử dụng nền tảng số vào năm 2027 (Kế hoạch số 436/KH-UBND) không đi kèm cơ chế hỗ trợ phù hợp, chuyển đổi số có thể chỉ đạt được ở nhóm cơ sở quy mô lớn; Các chỉ báo phát triển bền vững chưa được

theo dõi bằng dữ liệu: Các kế hoạch du lịch thông minh chưa đặt chỉ tiêu về sức chứa hay môi trường, pháp luật chưa yêu cầu cơ sở cung cấp dữ liệu về rác thải, nước thải. Vì vậy, dù tình trạng quá tải mùa cao điểm đã được ghi nhận, như ở Bắc Hà (Vũ & Hoàng, 2024), cơ quan quản lý chưa có căn cứ để xác định ngưỡng sức chứa; nguyên tắc phát triển bền vững tại khoản 14 Điều 3 Luật Du lịch năm 2017 chưa thành chỉ số đo lường được.

3.4. Tương tác giữa chuyển đổi số và phát triển bền vững

Đối chiếu kết quả và hạn chế với ba dạng tương tác cho thấy quan hệ giữa CĐS và phát triển bền vững không đồng nhất giữa các trụ cột. Ở trụ cột kinh tế, tương tác mang dạng thúc đẩy nhưng chủ yếu do thị trường dẫn dắt: nền tảng số mở rộng khả năng tiếp cận thị trường của CSLTDL, kể cả ở vùng cao. Ở trụ cột xã hội - văn hóa, tương tác mang tính hai chiều: nền tảng số giúp kiến trúc văn hóa bản địa như nhà sàn, nghề dệt, lễ hội trở thành một phần sản phẩm lưu trú và được quảng bá rộng; nhưng khi thủ tục và thông báo lưu trú chuyển sang môi trường số, hộ kinh doanh ở khu vực sóng yếu và thiếu năng lực số có nguy cơ bị đẩy ra ngoài khu vực chính thức. Ở trụ cột môi trường, quan hệ mang dạng tách rời: dữ liệu CSLTDL chưa được dùng để quản lý sức chứa; tình trạng quá tải mùa cao điểm và vi phạm về đất đai, môi trường được phát hiện qua kiểm tra thực tế và báo chí, không qua hệ thống dữ liệu. Nếu quảng bá số tiếp tục làm tăng lượng khách mà thiếu công cụ quản lý sức chứa, tương tác này có thể chuyển thành mâu thuẫn, phù hợp với nhận định rằng công nghệ trong du lịch không tự động dẫn đến bền vững (Gössling, 2021). Về tính tham gia, kênh số chủ yếu truyền thông một chiều, chưa trở thành kênh tham vấn chủ cơ sở và cộng đồng, trong khi du lịch bền vững đòi hỏi quản trị đa chủ thể (Bramwell & Lane, 2011); việc thiết lập kênh giao tiếp trực tuyến giữa cơ quan quản lý với người dân và du khách cũng đã được đề xuất cho Sa Pa (Phan, 2024).

3.5. Một số thách thức cốt lõi

Từ các phân tích trên, có thể nhận diện 5 thách thức cốt lõi: Khoảng cách thể chế: Chính sách CĐS và chính sách phát triển bền vững được xây dựng song song theo ngành, nên nghĩa vụ bắt buộc của CSLTDL mới dừng ở Mức 2, còn quản lý dựa trên dữ liệu (Mức 3) chỉ có trong văn bản định hướng. Thách thức là chuyển hóa mục tiêu sức chứa, môi trường thành nghĩa vụ dữ liệu có hiệu lực pháp lý; Dữ liệu phân mảnh giữa các cơ quan quản lý: Mỗi hệ thống dữ liệu được thiết lập theo một văn bản chuyên ngành riêng, không có quy định về liên thông. Kết nối chúng đòi hỏi mã định danh chung và cơ sở pháp lý cho chia sẻ dữ liệu, kể cả dữ liệu cá nhân của khách lưu trú; Gánh nặng chi phí tuân thủ của hộ kinh doanh vùng cao: Chuyển đổi số giúp cơ quan nhà nước quản lý hiệu quả hơn nhưng đồng thời đặt lên chủ cơ sở những chi phí tuân thủ mới như trang bị thiết bị, duy trì kết nối mạng và học cách khai báo trên VNeID, phần mềm thống kê. Các chi phí này nặng hơn nhiều đối với homestay quy mô hộ gia đình ở vùng cao, nơi kết nối yếu và kỹ năng số hạn chế nên một số hộ có thể không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Khi đó, dữ liệu quản lý bị thiếu nhất là những nơi nhạy cảm về môi trường và văn hóa. Nếu dùng bộ dữ liệu thiếu này để quyết định sức chứa hay chọn đối tượng kiểm tra thì kết quả sẽ sai lệch; Giới hạn của QLNN trước nền tảng đặt phòng trực tuyến: Các nền tảng số có thể kết nối với CSLTDL ở vùng miền núi và cả những CSLT tự phát chưa có đăng ký chính thức (như các căn hộ cho thuê). Trong khi đó, pháp luật chưa buộc nền tảng chia sẻ dữ liệu hay kiểm tra tình trạng đăng ký của cơ sở trên các nền tảng trực tuyến đó; Năng lực thực thi trong giai đoạn đầu vận hành chính quyền hai cấp: Việc thay đổi tổ chức thanh tra, hợp nhất dữ liệu hai tỉnh và chuyển giao nhiệm vụ xuống cấp xã tạo rủi ro gián đoạn nhưng cũng mở ra cơ hội thiết kế hệ thống quản lý số thống nhất ngay từ đầu.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu QLNN đối với CSLTDL tại tỉnh Lào Cai giai đoạn từ khi Luật Du lịch 2017 có hiệu lực đến nay, trong đó có giai đoạn đầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp cho thấy pháp luật mới thể chế hóa yêu cầu CĐS ở Mức 2 (số hóa quy trình) đối với các nghĩa vụ bắt buộc của CSLTDL; Mức 3 (quản lý dựa trên dữ liệu) chỉ xuất hiện trong văn bản định hướng. Vì vậy, công cụ số chủ yếu ghi nhận chứ chưa điều tiết hoạt động của CSLTDL: CĐS thúc đẩy trụ cột kinh tế, có nguy cơ mâu thuẫn với trụ cột xã hội và còn tách rời trụ cột môi trường. Khác với cách tiếp cận chủ yếu nhấn mạnh tác động tích cực của

CĐS, bài viết nhận diện cả quan hệ mâu thuẫn và tách rời, đồng thời làm rõ một điều kiện: công cụ số chỉ phục vụ phát triển bền vững khi pháp luật yêu cầu sử dụng dữ liệu làm căn cứ ra quyết định quản lý.

4.2. Kiến nghị

Bài viết đề xuất hai nhóm giải pháp: Về thể chế: Cần lồng ghép các chỉ báo sức chứa, nước thải, rác thải vào nghĩa vụ báo cáo và cơ sở dữ liệu ngành để đưa quy định bắt buộc lên Mức 3; nghiên cứu cơ chế buộc nền tảng đặt phòng trực tuyến chia sẻ dữ liệu và kiểm tra tình trạng đăng ký của CSLTDL; tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu CSLTDL thay vì chỉ dừng ở kế hoạch. Về tổ chức thực thi: Cần xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung du lịch - công an - thuế ; bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ cấp xã; duy trì kênh hỗ trợ trực tiếp cho hộ kinh doanh ở vùng sóng yếu và thiết lập cơ chế tham vấn hai chiều với chủ cơ sở, cộng đồng bằng công cụ số.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

Ban Chấp hành Trung ương (2026). *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới.*

Bramwell, B., & Lane, B. (2011). Critical research on the governance of tourism and sustainability. *Journal of Sustainable Tourism, 19*(4-5), 411-421. https://doi.org/10.1080/09669582.2011.580586.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (2025). *Lào Cai: Trên 91% công dân có tài khoản định danh điện tử.* https://cchc.laocai.gov.vn/tin-tuc-su-kien/lao-cai-tren-91-cong-dan-co-tai-khoan-dinh-danh-dien-tu-1562417, ngày 24/11/2025.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (2026a). *Lào Cai tập trung khắc phục lõm sóng di động tại các khu vực khó khăn.* https://www.laocai.gov.vn/thong-tin-nganh-dia-phuong/lao-cai-tap-trung-khac-phuc-lom-song-di-dong-tai-cac-khu-vuc-kho-khan-1624961, ngày 29/10/2026.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (2026b). *Tình hình kinh tế – xã hội tỉnh Lào Cai 9 tháng và nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2026.* https://laocai.gov.vn/tinh-hinh-ktxh-hang-thang/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-lao-cai-9-thang-nhiem-vu-trong-tam-quy-iv-nam-2026-1621897, ngày 15/10/2026.

Gössling, S. (2021). Tourism, technology and ICT: A critical review of affordances and concessions. *Journal of Sustainable Tourism, 29*(5), 733-750. https://doi.org/10.1080/09669582.2021.1873353.

Hà Phương (2025). *Du lịch Lào Cai hướng tới mục tiêu 10 triệu lượt khách trong năm 2025*. https://www.doingoailaocai.vn/vi/bai-viet/21184, ngày 08/01/2025.

Hoàng Khánh Chi (2026). Quản lý nhà nước về cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam theo lý thuyết quản trị tốt. *Tạp chí Quản lý nhà nước, (366)*, 47-52. https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1576.

Hoàng Quý (2018). *Du lịch Yên Bái trên hành trình đánh thức tiềm năng.* https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/du-lich-yen-bai-tren-hanh-trinh-danh-thuc-tiem-nang-24160.htm, ngày 01/10/2018.

Hứa Tân Hưng (2025). Vai trò của chính quyền địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng. *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp, (281),* 73-76.

Hương Thu (2023). *Lào Cai chuẩn hóa du lịch cộng đồng.* https://mst.gov.vn/lao-cai-chuan-hoa-du-lich-cong-dong-197160234.htm, ngày 17/8/2023.

Ivars-Baidal, J. A., Celdrán-Bernabeu, M. A., Mazón, J.-N., & Perles-Ivars, Á. F. (2019). Smart destinations and the evolution of ICTs: A new scenario for destination management? *Current Issues in Tourism, 22*(13), 1581-1600. https://doi.org/10.1080/13683500.2017.1388771.

Kalbaska, N., Janowski, T., Estevez, E., & Cantoni, L. (2017). When digital government matters for tourism: A stakeholder analysis. *Information Technology & Tourism, 17*(3), 315-333. https://doi.org/10.1007/s40558-017-0087-2.

Mạnh Cường (2025). *Yên Bái xây dựng hệ thống du lịch thông minh*. https://baolaocai.vn/yen-bai-xay-dung-he-thong-du-lich-thong-minh-post404828.html, ngày 13/6/2025.

Nguyễn Lê Phương Anh (2025). Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. *Tạp chí Quản lý nhà nước, (352),* 66-70. https://doi.org/10.59394/qlnn.352.2025.1175.

Nguyễn Thị Thắm, Hồ Ngọc Ninh, Nguyễn Thị Mai Trang (2024). Quản lý nhà nước đối với các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. *Tạp chí Công thương*. https://tapchicongthuong.vn/quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-cac-co-so-luu-tru-du-lich-tren-dia-ban-huyen-hoa-lu--tinh-ninh-binh-116763.htm, ngày 21/02/2024.

Phan, D. Q. (2024). Obstacles toward sustainable tourism development in Sa Pa Town of Lao Cai Province. *HNUE Journal of Science: Social Sciences, 69*(2), 144-154. https://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0035.

Quốc hội (2017). *Luật Du lịch.* Luật số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

Quốc hội (2025). *Luật Chuyển đổi số*. Luật số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Thu Hiền (2025). *Yên Bái "bội thu" 4 mùa du lịch.* https://thongke.tourism.vn/index.php/news/items/235, ngày 02/01/2025.

Trần Ngọc Sơn (2026). *Lào Cai có hơn 2.100 cơ sở lưu trú phục vụ du khách.* Báo Lào Cai. https://baolaocai.vn/lao-cai-co-hon-2100-co-so-luu-tru-phuc-vu-du-khach-post911804.html, ngày 13/10/2026.

Trung tâm Thông tin du lịch (2025). *Thông tin du lịch tháng 12/2025.* https://images.vietnamtourism.gov.vn/vn//dmdocuments/2025/thong_tin_du_lich_thang_12_2025.pdf.

Tùng Lâm (2018). *Khách quốc tế đến Lào Cai tăng 19.000 lượt trong năm 2018.* https://baolaocai.vn/khach-quoc-te-den-lao-cai-tang-19000-luot-trong-nam-2018-post276949.html, ngày 14/12/2018.

Vũ Thanh Nam, Hoàng Thu (2024). Cải thiện chất lượng các cơ sở lưu trú. *Báo Lào Cai.* https://baolaocai.vn/bai-cuoi-cai-thien-chat-luong-cac-co-so-luu-tru-post385283.html, ngày 14/6/2024.